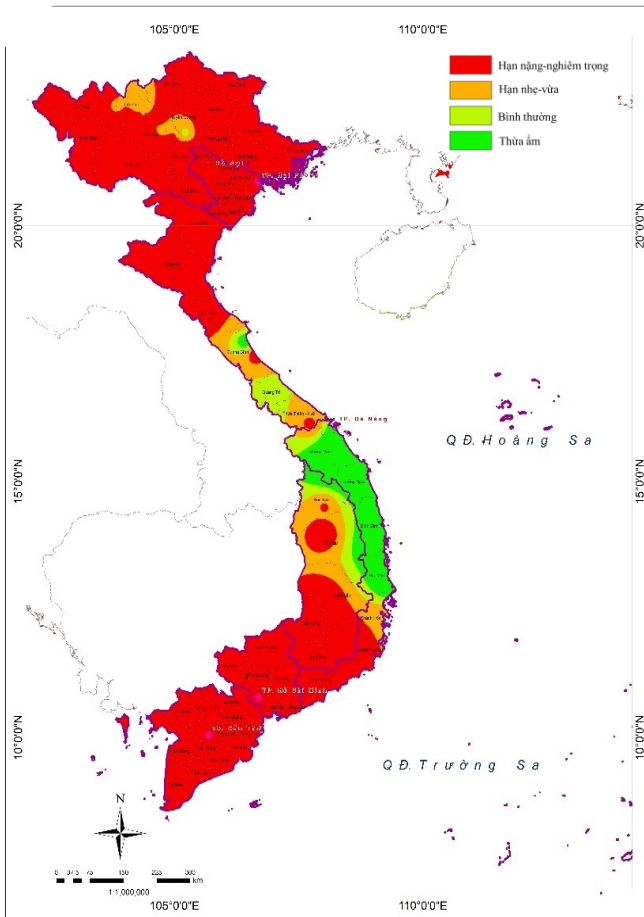




THÔNG BÁO VÀ DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP

(Số tháng 2/2025)



Phân bố điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp trung bình tháng 1/2025



Hạn mặn tại khu vực ĐBSCL



Một con kênh nội đồng đã kiệt nước vùng ven biển Bạc Liêu khiến người nuôi tôm gặp khó khăn

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT	1
GIỚI THIỆU CHUNG	2
PHẦN I: DIỄN BIẾN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 1 NĂM 2025	3
1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng và thời tiết bất lợi	3
1.2. Diễn biến sinh trưởng một số cây trồng chính và tình hình sâu bệnh	7
1.3. Tác động của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi	8
Phần II: DỰ BÁO KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 2 ĐẾN THÁNG 4 NĂM 2025	12
2.1. Tóm tắt dự báo khí hậu từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2025	12
2.2. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi	12
Phần III: KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 2 ĐẾN THÁNG 4 NĂM 2025	19
3.1. Rủi ro tác động của khí hậu đến trồng trọt	19
3.2. Rủi ro tác động của khí hậu đến chăn nuôi	19
3.3. Khuyến nghị	19

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
ASI	Chỉ số căng thẳng cây trồng do thiếu nước (Agricultural Stress Index)
BTB	Bắc Trung Bộ
DHNTB	Duyên hải Nam Trung Bộ
ĐBSH	Đồng bằng sông Hồng
ĐNB	Đông Nam Bộ
ĐBSCL	Đồng bằng sông Cửu Long
GMMH	Gió mùa mùa hè
KHNN	Khí hậu nông nghiệp
KTNN	Khí tượng nông nghiệp
NB	Nam Bộ
NĐTB	Nhiệt độ trung bình
Rx1day	Lượng mưa một ngày lớn nhất
SXNN	Sản xuất nông nghiệp
SGN	Số giờ nắng
SVGH	Sinh vật gây hại
TBNN	Trung bình nhiều năm
TCTĐ	Nhiệt độ tối cao tuyệt đối
TDMNPB	Trung du và miền núi phía Bắc
THI	Chỉ số nhiệt ẩm (Temperature humidity index)
TLM	Tổng lượng mưa
TN	Tây Nguyên
TTTĐ	Nhiệt độ tối thấp tuyệt đối
XTNĐ	Xoáy thuận nhiệt đới

GIỚI THIỆU CHUNG

Bản tin “**Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp**” được Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu xây dựng và xuất bản hàng tháng. Bản tin được cập nhật tại trang thông tin điện tử: <https://imh.ac.vn/category/hoat-dong-nghiep-vu/thong-bao-khi-tuong-nong-nghiep/>.

Các thông tin phục vụ xây dựng bản tin:

- (i) Thông tin về sinh trưởng cây trồng, tình hình sản xuất nông nghiệp và sinh vật gây hại: Cục Bảo vệ Thực vật và Cục Trồng trọt - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn
- (ii) Số liệu quan trắc: (i) Số liệu CLIM do Tổng cục Khí tượng Thủy văn cung cấp; (ii) Số liệu giám sát và cảnh báo hạn hán từ thông tin viễn thám của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu.
- (iii) Số liệu dự báo khí hậu: (i) Bản tin “Thông báo và dự báo khí hậu” của Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu; (ii) Bản tin dự báo khí hậu của Trung tâm Dự báo Khí tượng Thủy văn Quốc gia.

Mọi ý kiến đóng góp, xin gửi về:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, số 23/62, Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, TP, Hà Nội.

Điện thoại: 0914888185.

Email: ktnn407@gmail.com hoặc nguyenson.imh@gmail.com.

Phần I: DIỄN BIẾN KHÍ TƯỢNG NÔNG NGHIỆP THÁNG 1 NĂM 2025

1.1. Diễn biến điều kiện khí tượng và thời tiết bất lợi

a) Diễn biến điều kiện khí tượng

- **Nhiệt độ trung bình (NĐTĐ):** NĐTĐ tháng 1/2025 phổ biến cao hơn TBNN từ 0,1 đến 2,9°C (Hình 1) và thấp hơn tháng 1/2024 từ 0,1 đến trên 3,7°C ngoại trừ khu vực Lạng Sơn (TDMNBB) có mức cao hơn tháng 1/2024 từ 0,1 – 1,0°C (Bảng 1); Từ tháng 1/2024 đến tháng 1/2025, hầu hết trên phạm vi cả nước đều có nhiệt độ cao hơn TBNN. (Bảng 1), (Hình 1).
- **Tổng lượng mưa (TLM):** TLM tháng 1/2025 hầu hết các khu vực đều phổ biến thấp hơn TBNN từ 9-65mm và cao hơn TBNN ở một số khu vực Miền Trung, DHNTB, TN và NB từ 1-62mm; và phổ biến ở mức xấp xỉ tới thấp hơn tháng 1/2024 từ 27-593mm (Hình 1), (Bảng 1).
- **Tổng số giờ nắng (SGN):** SGN tháng 1/2025, cao hơn TBNN từ 54 đến 848 giờ ở khu vực TDMNBB, ĐBSH, và BTB; và thấp hơn TBNN từ 52 đến 127 giờ ở khu vực DHNTB, TN và NB. Từ tháng 1/2024 đến tháng 1/2025, SGN các tháng phổ biến ở mức cao hơn TBNN, chỉ có một số khu vực tại TDMNBB và NB là thấp hơn với khoảng từ 4 – 70 giờ.
- **Độ ẩm:** Độ ẩm tháng 1/2025 phổ biến xấp xỉ hoặc thấp hơn TBNN trên phạm vi cả nước từ 2-22% ngoại trừ một số khu vực Tây Nguyên và NB là cao hơn TBNN từ 1-4%.

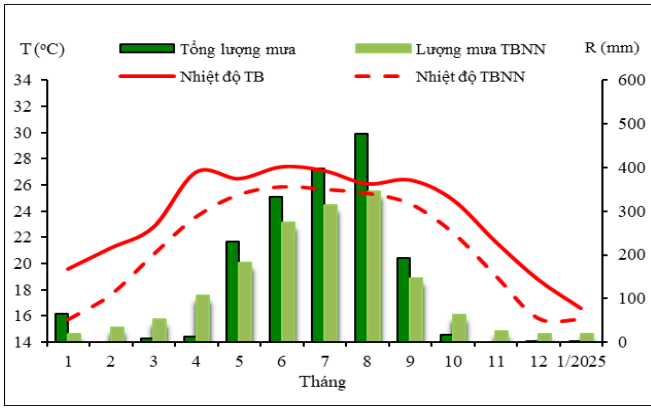
b) Cực đoan khí hậu và thời tiết bất lợi đến sản xuất nông nghiệp trong tháng 1/2025:

- **Nhiệt độ cao:** Trong tháng 1/2025, nhiệt độ tối cao tuyệt đối (TCTĐ) tại các vùng sinh thái nông nghiệp đều xấp xỉ thấp hơn TBNN và tháng 1/2024, ngoại trừ khu vực TN và ĐBSCL là cao hơn TBNN và tháng 1/2024 (Bảng 1).
- **Không khí lạnh:** Không khí lạnh xuất hiện tại khu vực TDMNBB, ĐBBB, BTB; nơi ảnh hưởng lớn nhất tập chung ở phía Tây khu vực TDMNBB có nhiệt độ khoảng 1-6°C, và các khu vực ĐBBB, BTB có nhiệt độ giao động từ 8-12 °C (Hình 2).
- **Khô hạn:** Theo chỉ số hạn nông nghiệp trên phạm vi cả nước, tình trạng khô hạn và thiếu nước xảy ra trên phạm vi cả nước, ngoại trừ khu vực Quảng Nam, Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên (DHNTB) là không xảy ra khô hạn. (Hình 4).
- **Mưa lớn:** Lượng mưa một ngày lớn nhất trong tháng (Rx1day), trong tháng 1 lượng mưa khoảng 9-62mm (Hình 3). Một số khu vực có lượng mưa ngày lớn như Hoài Nhơn (59mm, ngày 16/1).
- **Xâm nhập mặn:** Xảy ra ngày 29/01 trên sông Nước Trong tại trạm Ngã Ba Nước Trong là 3%; Ngày 21 - 31/1 Chiều sâu ranh mặn 4% tại các cửa sông chính: Sông Vàm Cỏ Đông, Vàm Cỏ Tây, phạm vi xâm nhập mặn 40 - 50 km; Sông Cửa Tiểu, Cửa Đại phạm vi xâm nhập mặn 30 - 40 km; Sông Hàm Luông phạm vi xâm nhập mặn 30 - 40 km; Sông Cỏ Chiên phạm vi xâm nhập mặn 30 - 40 km; Sông Hậu phạm vi xâm nhập mặn 30 - 37 km; Sông Cái Lớn phạm vi xâm nhập mặn 25 - 30 km.

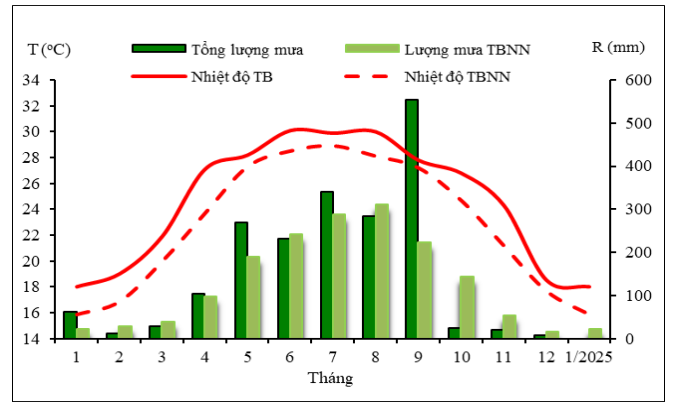
Bảng 1. Đặc trưng các yếu tố khí hậu trong tháng 1/2024 và tháng 1/2025 tại các vùng sinh thái nông nghiệp

Đặc trưng khí hậu		TDMNPB	ĐBSH	BTB	DHNTB	TN	ĐNB	ĐBSCL
NĐTB (°C)	1/2025	9,1 ÷ 18,0	17,4 ÷ 18,8	16,3 ÷ 19,2	19,6 ÷ 25,7	16,3 ÷ 21,7	24,2 ÷ 27,1	25,3 ÷ 26,5
	1/2024	10,8 ÷ 19,9	17,9 ÷ 18,5	18,5 ÷ 21,4	21,8 ÷ 26,3	17,2 ÷ 23,5	25 ÷ 28,6	26,8 ÷ 27,6
TCTĐ (°C)	1/2025	33,1	27,5	30,9	32,5	32,8	35,4	33,4
	1/2024	32,2	28,9	30,9	32,5	32,6	36,1	34,5
TTTĐ (°C)	1/2025	0,9	6,8	0,9	12,1	8,6	15,2	17,6
	1/2024	2,5	8	9,6	17,1	10,9	18,8	21,2
TLM (mm)	1/2025	0 ÷ 45	1 ÷ 17	1 ÷ 193	0 ÷ 203	0 ÷ 42	0 ÷ 56	0 ÷ 46
	1/2024	12 ÷ 387	42 ÷ 91	1 ÷ 206	0 ÷ 193	0 ÷ 30	0 ÷ 2	0 ÷ 4
SNM (ngày)	1/2025	0 ÷ 16	1 ÷ 4	1 ÷ 18	0 ÷ 15	0 ÷ 10	0 ÷ 2	1 ÷ 5
	1/2024	4 ÷ 24	11 ÷ 17	4 ÷ 19	0 ÷ 24	0 ÷ 15	0 ÷ 1	0 ÷ 1
SGN (giờ)	1/2025	21 ÷ 236	100 ÷ 136	60 ÷ 152	60 ÷ 973	113 ÷ 332	175 ÷ 264	110 ÷ 260
	1/2024	15 ÷ 176	29 ÷ 59	40 ÷ 175	84 ÷ 277	121 ÷ 303	191 ÷ 298	213 ÷ 268
Độ ẩm (%)	1/2025	64 ÷ 90	61 ÷ 78	75 ÷ 91	68 ÷ 90	70 ÷ 85	64 ÷ 75	69 ÷ 81
	1/2024	75 ÷ 94	80 ÷ 88	84 ÷ 93	71 ÷ 91	70 ÷ 87	63 ÷ 76	70 ÷ 78

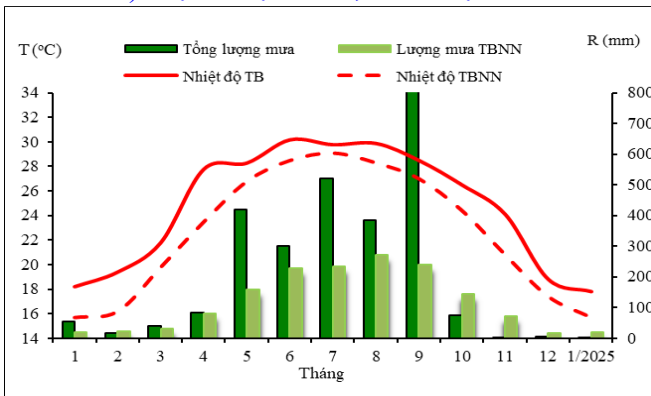
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025



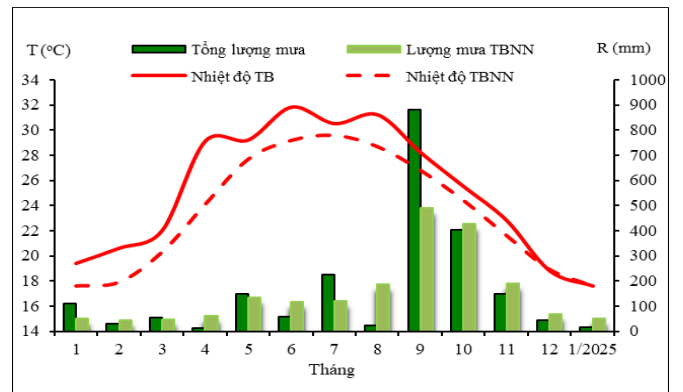
a) Trạm Điện Biên, tỉnh Điện Biên



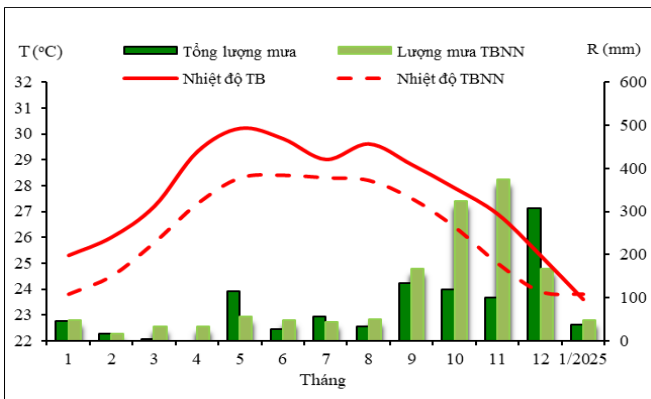
b) Trạm Việt Trì, tỉnh Phú Thọ



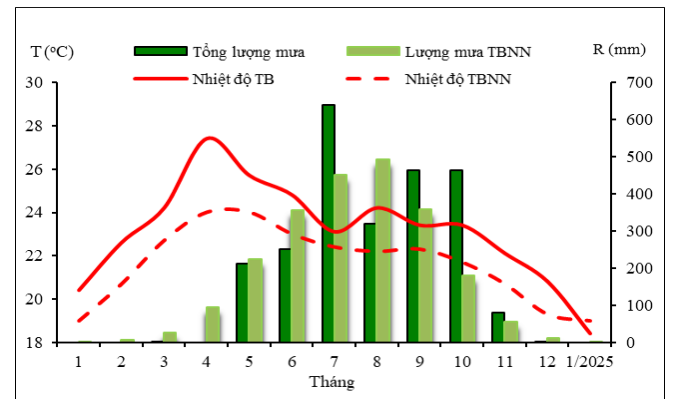
c) Trạm Hà Đông, Hà Nội



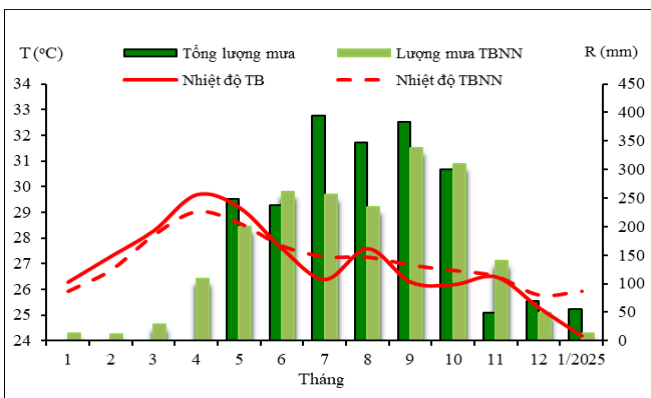
d) Trạm Vinh, tỉnh Nghệ An



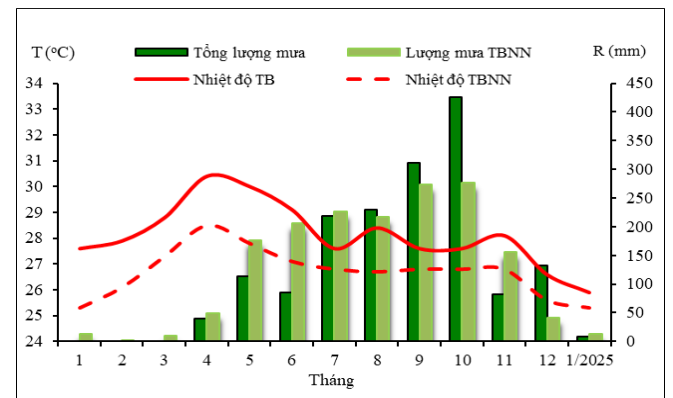
e) Trạm Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa



f) Trạm Pleiku, tỉnh Gia Lai

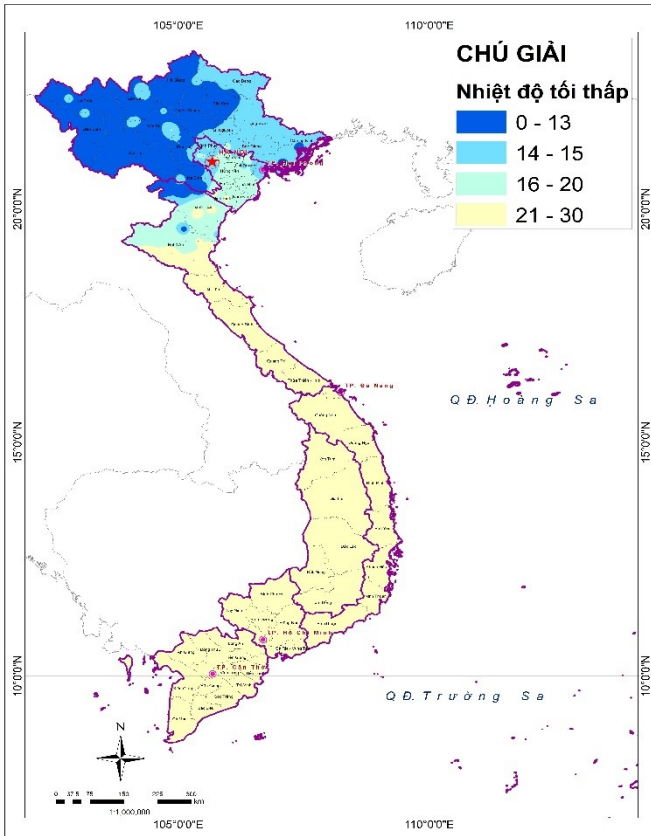


h) Trạm Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai

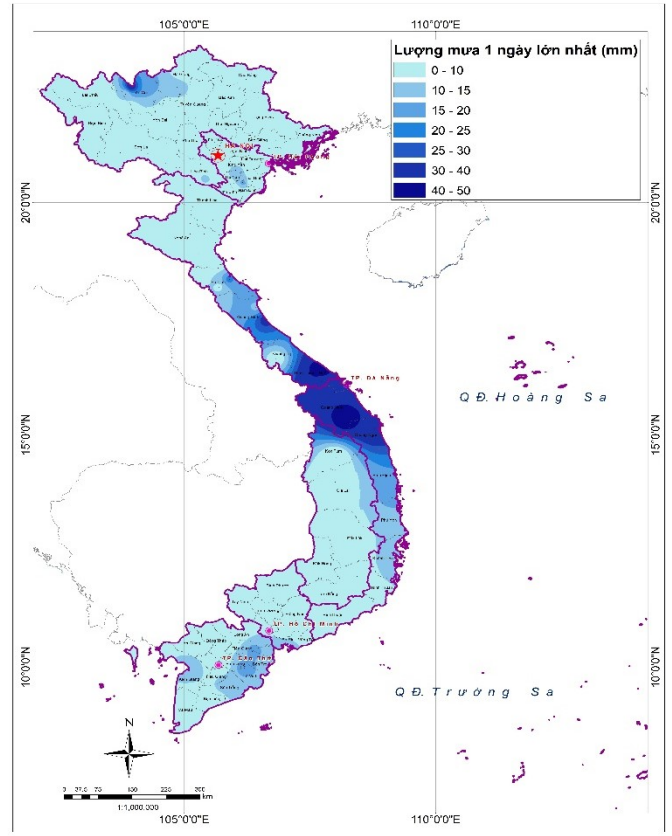


i) Trạm Cần Thơ, TP. Cần Thơ

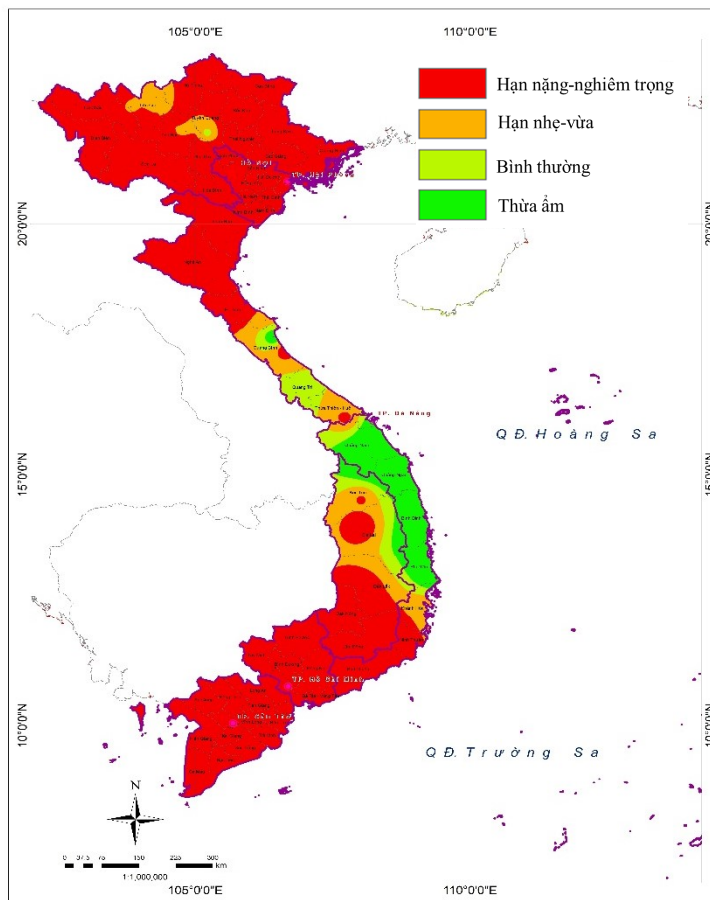
Hình 1. Diễn biến một số yếu tố khí tượng từ tháng 1/2024 đến tháng 1/2025 tại một số trạm khí tượng tiêu biểu cho các vùng sinh thái nông nghiệp



Hình 2. Phân bố nhiệt độ tối thấp tuyệt đối (Tm) trong tháng 1/2025 (°C)



Hình 3. Phân bố lượng mưa một ngày lớn nhất (Rx1day) tháng 1/2025 (mm)



Hình 4. Phân bố điều kiện khô hạn/ẩm ướt theo chỉ số hạn nông nghiệp trung bình tháng 1/2025

1.2. Diễn biến sinh trưởng một số cây trồng chính và tình hình sâu bệnh hại

a. Tình hình sinh trưởng của một số cây trồng chính

Trong tháng 1, diễn biến sinh trưởng của một số loại cây trồng chính như sau:

Bảng 2. Hiện trạng giai đoạn sinh trưởng của một số loại cây trồng

Vùng sinh thái nông nghiệp	Cây trồng	Giai đoạn sinh trưởng
Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh
	Ngô	Thu hoạch
Đồng bằng sông Hồng	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh
Bắc Trung Bộ	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh
	Lạc	Thu hoạch
Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa	Chắc xanh - Thu Hoạch
	Thanh long	Chăm sóc - Thu hoạch
Tây Nguyên	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh
	Cà phê	Thu hoạch – Chăm sóc sau thu hoạch
Đông Nam Bộ	Lúa	Chín - Thu hoạch
	Thanh long	Chăm sóc - Phát triển thân, lá
Đồng bằng sông Cửu Long	Lúa	Mạ - Đẻ nhánh

(Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, 1/2025)

b. Diễn biến tình hình sâu bệnh hại

- **Cây lúa:** Bệnh đạo ôn lá, diện tích nhiễm 10.054 ha; diện tích đã phòng trừ trong kỳ 5.745 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Cần Thơ, Kiên Giang, Long An, An Giang, Vĩnh Long, Hậu Giang ...; Rầy hại lúa, diện tích nhiễm 2.399 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 1.029 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Sóc Trăng, Đồng Tháp, Đồng Nai, Tiền Giang, Kiên Giang, Cần Thơ...; Bệnh bạc lá, diện tích nhiễm 3.776 ha, trong đó nhiễm nặng 01 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 2.112 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bạc Liêu, Sóc Trăng, Kiên Giang, Vĩnh Long, Tiền Giang, Đồng Nai...;
- **Ngô:** Sâu keo mùa thu xuất hiện nhiễm 295 ha, diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 202 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bắc Giang, Hòa Bình, Điện Biên, Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Lâm Đồng, Phú Yên, Đồng Nai...;
- **Thanh long:** Bệnh đốm nâu xuất hiện trên diện tích nhiễm 2.025 ha, diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.714 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Bình Thuận, Tiền Giang, Long An, Trà Vinh, Bà Rịa - Vũng Tàu;
- **Cà phê:** Bệnh khô cành xuất hiện trên diện tích khoảng 7.292 ha, trong đó nhiễm nặng 55 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 3.586 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đắk Lắk, Lâm Đồng, Đồng Nai, Bình Phước...; Bệnh gỉ sắt xuất hiện trên diện tích khoảng 6.075 ha. trong đó nhiễm nặng 96 ha; diện tích đã được phòng trừ trong kỳ 10.770 ha. Phân bố chủ yếu tại các tỉnh: Điện Biên, Quảng Trị, Gia Lai, Đồng Nai, Lâm Đồng, Bình Phước, ...

(Nguồn: Cục Bảo vệ Thực vật, 1/2025)

1.3. Tác động của điều kiện khí tượng đến trồng trọt và chăn nuôi

a. Tác động đến cây trồng

Tác động do khô hạn:

- Theo kết quả giám sát chỉ số căng thẳng nước (ASI), Trong tuần 1, tháng 1, một số khu vực Cà Mau, Bạc Liêu, Sóc Trăng và Kiên Giang có khoảng 25-80% thời gian cây trồng thiếu hụt nước; sang tuần thứ 2 một số khu vực TP. Hồ Chí Minh, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cà Mau và Bạc Liêu có khoảng 20-80% thời gian cây trồng thiếu hụt nước; sang tuần 3 khu vực TP. Hồ Chí Minh và Tây Nam Bộ có khoảng 25% đến > 85% thời gian cây trồng thiếu hụt nước (Hình 5).
- Đối với cây lúa: Lương mưa trong tháng 1 đều không đáp ứng nhu cầu nước cho cây lúa, tại 2 khu vực ĐBSH và ĐBSCL hầu hết lượng mưa cũng không đáp ứng được nhu cầu nước cho cây lúa (nghiêm trọng nhất là khu vực trạm Mộc Hóa thiếu 163mm) (Bảng 3).

Tác động của không khí lạnh:

- Theo Báo cáo nhanh của các tỉnh Sơn La, Lào Cai và Yên Bái, không khí lạnh tăng cường từ ngày 12/1 gây gây ra hiện tượng rét đậm, rét hại kèm theo sương muối, khiến nhiều diện tích cây trồng, nhất là cây cà phê ở TP Sơn La bị ảnh hưởng như: xã Chiềng Đen hơn 37,3ha; Hua La hơn 32ha; còn lại là ở xã Chiềng Cọ. Cơ quan chức năng tỉnh Lào Cai cho biết do nhiệt độ giảm xuống khoảng âm 3 độ C. Sáng ngày 12/1/2025, các đỉnh núi cao từ 2.600 mét trở lên ở vùng cao Xuất hiện băng tuyết, Đỉnh Lao Thẩn tại Y Tý, huyện Bát Xát (tỉnh Lào Cai) băng tuyết phủ trắng cây cối.

Tác động của triều cường và xâm nhập mặn:

- Khu vực Đồng bằng sông Cửu Long, trong tháng tính đến ngày 16/01 triều cường xảy ra trên địa bàn tỉnh Trà Vinh làm 12 ha cây ăn trái và 0,03 ha hoa màu bị ngập
- Tác động của xâm nhập mặn có tổng diện tích ước tính khoảng từ 90-110 ngàn ha, bao gồm vụ lúa đông xuân 2024-2025 và diện tích cây ăn trái, nuôi trồng thủy sản thuộc địa bàn các huyện Châu Thành, Châu Thành A, Phụng Hiệp và thành phố Ngã Bảy. Theo thống kê, tổng diện tích đã xuống giống vụ đông xuân ở ĐBSCL tính đến 17/1 là 1.445.263 ha, đạt 97% so với kế hoạch. Tập trung chủ yếu ở Long An, Đồng Tháp, An Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Cần Thơ, Hậu Giang, Tiền Giang và Vĩnh Long.

Tác động đến sâu dịch bệnh:

- Nền nhiệt độ cao và độ ẩm không khí về đêm lớn đã tạo điều kiện thuận lợi cho các loại sâu dịch bệnh phát triển, đặc biệt, bệnh rầy hại lúa, đạo ôn và sâu cuốn lá nhỏ trên lúa ở khu vực phía Nam.

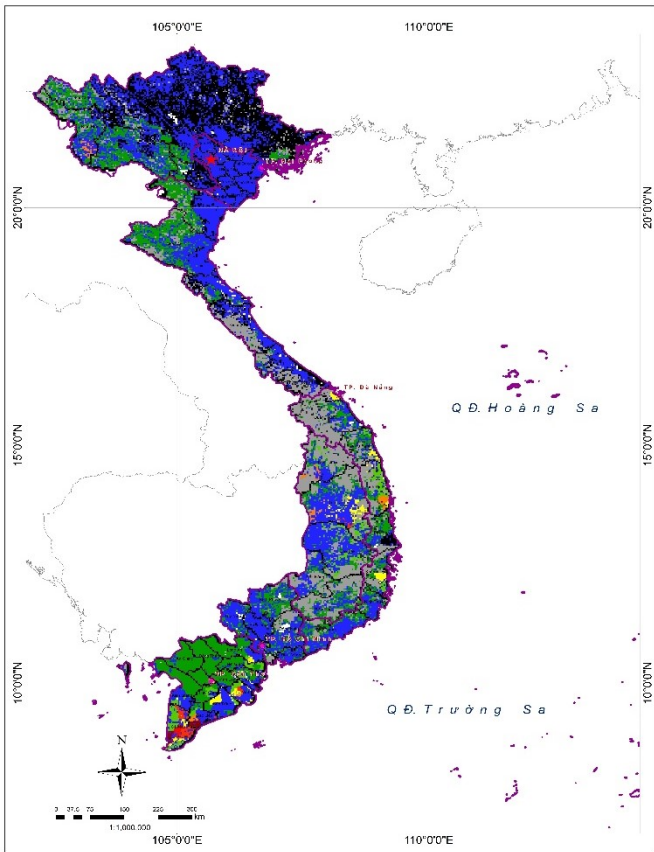
b. Tác động đến chăn nuôi

- Kết quả tính toán chỉ số THI (Hình 6) cho thấy, điều kiện nhiệt ẩm tác động đến khả năng hô hấp và tiêu thụ thức ăn, tăng nhịp tim của gia súc và gia cầm chỉ xuất hiện tại một số khu vực ở Bình Thuận, Khánh Hòa (thuộc DHNTB) và ở khu vực Nam Bộ.

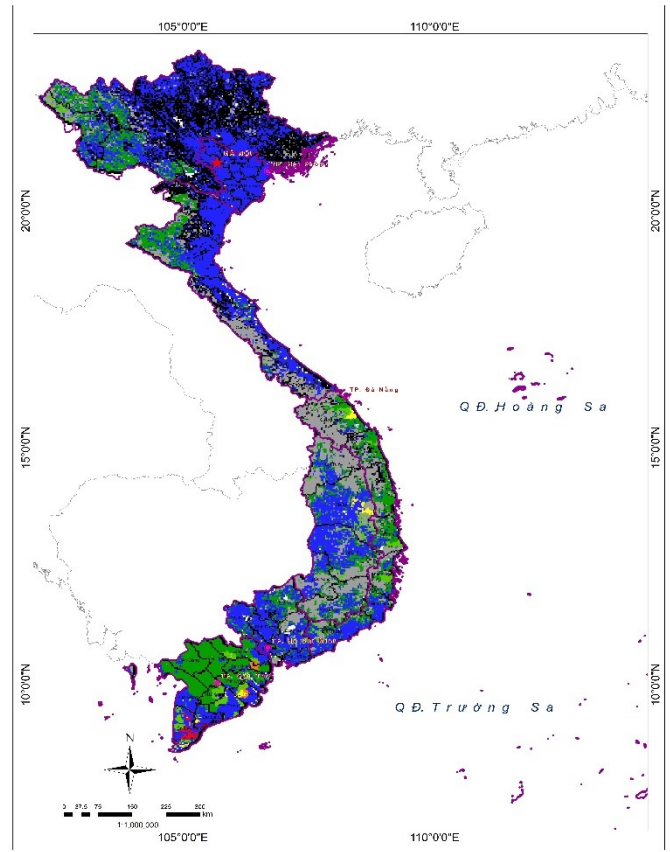
Bảng 3. Mức độ thiếu (-)/thừa (+) nước đối với cây lúa trong tháng 1/2025

Vùng	Điểm/trạm	Nhu cầu nước của cây lúa trong tháng 1/2025 (mm)	Lượng mưa thực tế trong tháng 1/2025 (mm)	Thiếu (-)/thừa (+) nước so với nhu cầu trong tháng 1/2025 (mm)
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	57.4	8	-49.4
	Hà Đông	60.1	3	-57.1
	Hải Dương	62.4	3	-59.4
	Hung Yên	57.4	14	-43.4
	Nam Định	59.4	17	-42.4
	Văn Lý	60.7	3	-57.7
	Nho Quan	60.8	9	-51.8
	Ninh Bình	58.5	5	-53.5
	Thái Bình	58.4	6	-52.4
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	163.3	0	-163.3
	Mỹ Tho	156.0	19	-137.0
	Cao Lãnh	152.2	4	-148.2
	Càng Long	156.6	22	-134.6
	Châu Đốc	154.8	2	-152.7
	Cần Thơ	157.3	8	-149.3
	Sóc Trăng	153.7	25	-128.6
	Rạch Giá	160.1	15	-145.1
	Bạc Liêu	160.4	17	-143.4
Cà Mau	155.2	5	-150.2	

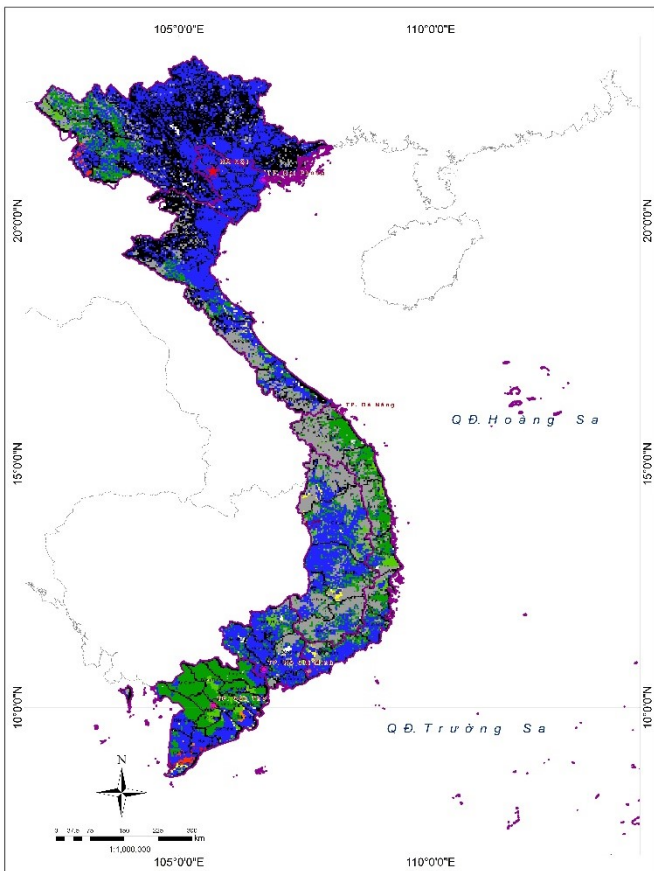
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025



Tuần 1 (từ ngày 1-10/01/2025)



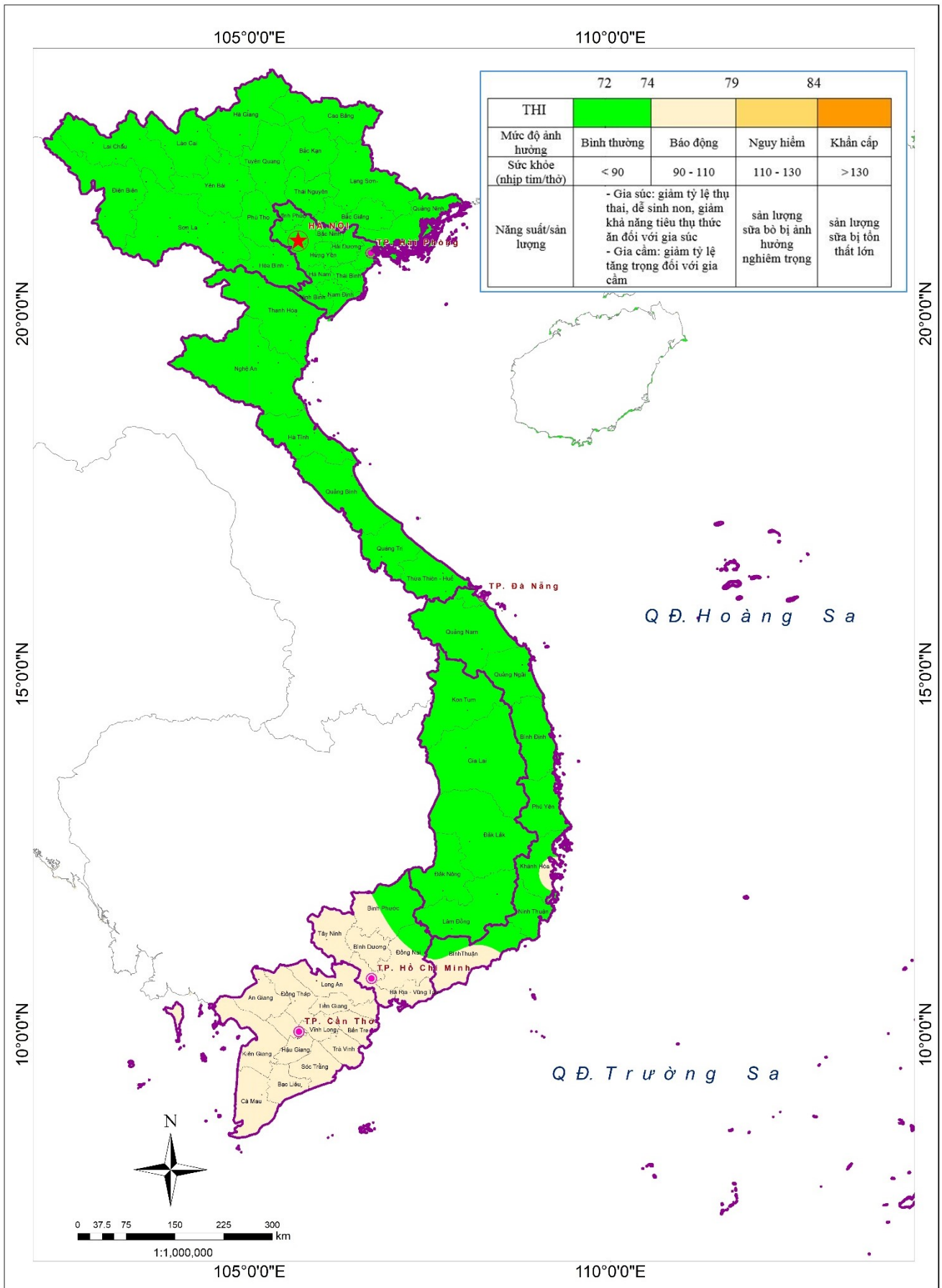
Tuần 2 (từ ngày 11-20/01/2025)



Tuần 3 (từ ngày 21-30/01/2025)



Hình 5. Tỷ lệ thời gian cây trồng bị ảnh hưởng do thiếu hụt nước trong trong tuần, tính toán theo chỉ số ASI (Nguồn: FAO, <https://doi.org/10.1080/01431161.2015.1126378>)



Hình 6. Chỉ số nhiệt-ẩm (THI)³ trung bình tháng 1/2025

Phần II: DỰ BÁO KHÍ HẬU NÔNG NGHIỆP TỪ THÁNG 2 ĐẾN THÁNG 4 NĂM 2025

2.1. Tóm tắt dự báo khí hậu từ tháng 2 đến tháng 4 năm 2025

- **Hoạt động của ENSO:** - Hiện tại, ENSO đang trong điều kiện La Nina yếu. Dự báo điều kiện La Nina có khả năng chuyển sang trạng thái trung tính trong mùa xuân, với xác suất khoảng 60-75%.
- **Gió mùa:** Gió mùa mùa hè (GMMH) ở Nam Bộ và Tây Nguyên có khả năng bắt đầu sớm hơn so với TBNN. Cường độ gió mùa mùa hè ở mức xấp xỉ TBNN. Mùa mưa ở Nam Bộ và Tây Nguyên có thể đến sớm hơn so với TBNN.
- **Nhiệt độ:** Trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025, nhiệt độ xấp xỉ giá trị TBNN cùng thời kỳ ở hầu hết cả nước.
- **Lượng mưa:** Trong mùa 3 tháng 2-4 năm 2025, TLM có khả năng xấp xỉ TBNN ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ; cao hơn TBNN ở Nam Trung Bộ, Tây Nguyên, Nam Bộ.
- **Không khí lạnh (KKL):** Trong mùa ba tháng 2-4 năm 2025, số đợt KKL ảnh hưởng đến Việt Nam xấp xỉ so với giá trị TBNN (TBNN: 8-9 đợt). Số ngày rét đậm, rét hại ở mức xấp xỉ TBNN. Đề phòng có khả năng xuất hiện các đợt rét đậm, rét hại kéo dài trong tháng 2.
- **Nắng nóng:** Khả năng bắt đầu ở mức xấp xỉ TBNN. Khu vực Nam Bộ, Nam Trung Bộ nắng nóng có khả năng xuất hiện trong khoảng tháng 3-4; Khu vực Tây Bắc nắng nóng có khả năng xuất hiện trong tháng 4. Cường độ nắng nóng ít gay gắt so với năm 2024.
- **Điều kiện khô hạn:** Mùa khô 2024/2025 ở Tây Nguyên và Nam Bộ không nghiêm trọng, có khả năng chỉ xảy ra thiếu hụt nước cục bộ.

2.2. Rủi ro của khí hậu đến trồng trọt và chăn nuôi

a. Tác động đến cây trồng

- **Khô hạn và thiếu nước:** Tháng 2 năm 2025, tình hình khô hạn xảy ra nghiêm trọng tại khu vực BTB (Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh), khu vực Tây Nguyên (Đắk Lắk, Đắk Nông, Lâm Đồng), và toàn bộ khu vực Nam Bộ; Sang tháng 3 và tháng 4 không xuất hiện tình trạng khô hạn trên phạm vi cả nước. (Hình 7).
- **Rét đậm, rét hại:** Rét đậm rét hại xảy ra ở tháng 2 tập chung tại các tỉnh phía Tây Bắc (tập chung ở các tỉnh Lai Châu, Hà Giang, Tuyên Quang, Sơn La, Hòa Bình,..) gây ảnh hưởng tới diện tích mạ mới gieo. Đề phòng xảy ra sương muối ảnh hưởng tới diện tích rau màu.

- **Sâu bệnh hại:** Điều kiện thời tiết mùa từ tháng 2-tháng 4 thuận lợi cho một số sâu bệnh hại phát triển như:

- Cây lúa: (i) Bắc Bộ: Các vụ lúa đã gieo trồng xong, một số sâu bệnh như sâu đục thân hai chấm phát sinh gây hại trên Mạ dài ngày; Ốc bươu vàng, Chuột tiếp tục phát sinh và gây hại phổ biến ở mức nhẹ - trung bình, hại tăng trên lúa sạ; (ii) Bắc Trung Bộ: Chuột, ốc biêu vàng, bệnh đạo ôn lá; (iii) ĐHTB và TN: Rầy nâu, rầy lưng trắng, sâu đục thân hai chấm, bệnh đạo ôn, bệnh khô vằn, bệnh lem lép hạt, Sâu cuốn lá nhỏ, sâu đục thân, bệnh đạo ôn lá; (iv) Nam Bộ: Rầy nâu, bệnh đạo ôn, bệnh bạc lá, bệnh đen lép hạt.

- Cây ngô: Sâu keo mùa thu, sâu đục thân/bắp; bệnh đốm lá, gỉ sắt, chuột...

- Cây Thanh long: Đốm nâu, thán thư, bệnh nám vàng cành, bệnh thối rễ tóp cành, ốc,...

- Cà phê: Bọ xít muỗi, rệp sáp, rệp vảy, một đục thân cành, bệnh khô cành, bệnh gỉ sắt...

- Cây hồ tiêu: Bệnh chết chậm, bệnh chết nhanh, tuyến trùng rễ, rệp sáp gốc+ cành,...

- Cây điều: Bọ xít muỗi, sâu đục thân+cành, sâu đục rệp lá, bệnh thán thư, bệnh khô cành,...

- Cây chè: Rầy xanh, bọ xít muỗi, bọ cánh tơ, nhện đỏ,...

- Cây nhãn, vải: Sâu đo, bọ xít nâu, nhện lông nhung, sâu đục cuống quả, bệnh sương mai, bệnh thán thư.

b. Tác động do thừa (+)/thiếu(-) nước đối với sinh trưởng của cây lúa vùng ĐBSH và ĐBSCL

- Giai đoạn tháng 2, hầu hết các khu vực thiếu hụt nước, đặc biệt nghiêm trọng ở Đồng bằng sông Cửu Long. Sang tháng 3 – 4/2025, bắt đầu có lượng mưa lớn hơn, nhiều khu vực có nguy cơ xảy ra ngập úng cao, đặc biệt ở những khu vực trũng thấp (Bảng 4)

c. Nhận định mức độ thuận lợi/bất lợi về mặt khí hậu nông nghiệp đến sinh trưởng cây trồng

Tháng 2 - tháng 4/2025, điều kiện khí hậu nông nghiệp không thực sự thuận lợi cho cây trồng ở các vùng sinh thái nông nghiệp. Điều kiện khí hậu bất lợi xảy ra chủ yếu liên quan đến tình trạng khô hạn, không đáp ứng được nhu cầu nước của cây trồng, và hiện tượng dư thừa nước, có nguy cơ ngập úng gây ảnh hưởng tới các diện tích cây trồng trong thời kỳ khu hoạch (Bảng 5).

d. Tác động đến vật nuôi:

Các tỉnh phía Bắc: Các địa phương vùng núi phía Bắc chịu ảnh hưởng do tác động của rét đậm, rét hại ảnh hưởng tới gia súc, gia cầm đặc biệt trong tháng 2 và tháng 3 (Hình 8).

Các tỉnh Miền Trung và Nam Bộ: Tháng 2-4/2025 có nền nhiệt và độ ẩm không khí gây ảnh hưởng tới khả năng tiêu thụ thức ăn của gia súc, gia cầm ở mức nhẹ (Hình 9).

Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025

Bảng 4. Khả năng đáp ứng nhu cầu nước đối với cây lúa từ lượng mưa trong mùa tháng 2 - tháng 4/2025

Vùng sinh thái nông nghiệp	Trạm	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 2/2025 (m ³ /ha)	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 3/2025 (m ³ /ha)	Thừa (+)/thiếu (-) nước (mm) tháng 4/2025 (m ³ /ha)	Khuyến cáo
Đồng bằng sông Hồng	Sơn Tây	-275	23	743	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Đủ ẩm
	Hà Đông	-253	20	666	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Đủ ẩm
	Hải Dương	-284	108	734	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Hưng Yên	-200	135	712	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Nam Định	-195	178	674	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Văn Lý	-15.7	166	469	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Nho Quan	-260	94	609	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Có nguy cơ xảy ra ngập
	Ninh Bình	-198	126	557	Tháng 2: Thiếu hụt nước Tháng 3, 4: Có nguy cơ xảy ra ngập
Đồng bằng sông Cửu Long	Mộc Hóa	-1403	-990		Tháng 2: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 3: Thiếu hụt nước
	Mỹ Tho	-1400	-1068		Tháng 2, 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng
	Cao Lãnh	-1300	-882		Tháng 2: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 3: Thiếu hụt nước
	Càng Long	-1420	-1009		Tháng 2, 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng
	Châu Đốc	-1328	-855		Tháng 2: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 3: Thiếu hụt nước
	Cần Thơ	-1393	-974		Tháng 2: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 3: Thiếu hụt nước
	Sóc Trăng	-1358	-988		Tháng 2: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 3: Thiếu hụt nước
	Rạch Giá	-1365	-796		Tháng 2: Thiếu hụt nước nghiêm trọng Tháng 3: Thiếu hụt nước
	Bạc Liêu	-1432	-1035		Tháng 2, 3: Thiếu hụt nước nghiêm trọng

Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025

Bảng 5. Thuận lợi/khó khăn về điều kiện khí hậu nông nghiệp đối với sinh trưởng và phát triển của một số cây trồng chính ở các vùng sinh thái nông nghiệp trong tháng 2 – tháng 4 năm 2025

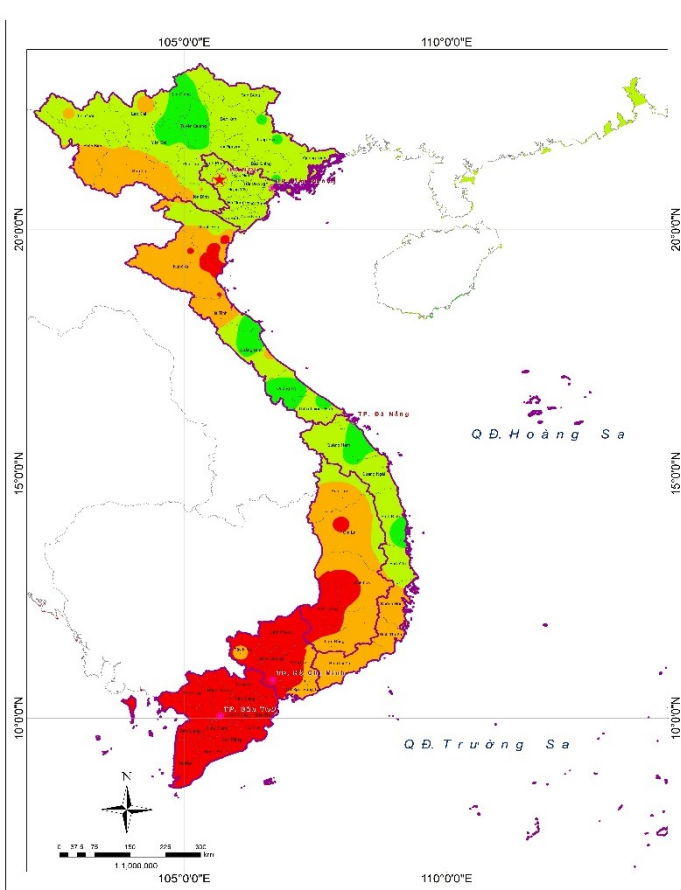
Vùng STNN	Cây trồng	Năm 2025											
		T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12
Trung du và miền núi phía Bắc	Lúa		TL	TL	TL								
	Lúa nương												
	Ngô			TL	TL								
Đồng bằng sông Hồng	Lúa		TL	TL	TL								
Bắc Trung Bộ	Lúa		ITL	TL	TL								
	Lạc		ITL	TL	TL								
Duyên hải Nam Trung Bộ	Lúa		ITL	TL	ITL								
	Thanh Long		TL	ITL	ITL								
Tây Nguyên	Lúa		ITL	TL	ITL								
	Cà phê		ITL	ITL	ITL								
Đông Nam Bộ	Lúa		ITL	ITL									
	Thanh Long		ITL	ITL	ITL								
Đồng bằng sông Cửu Long	Lúa		ITL	ITL									

Chú giải:

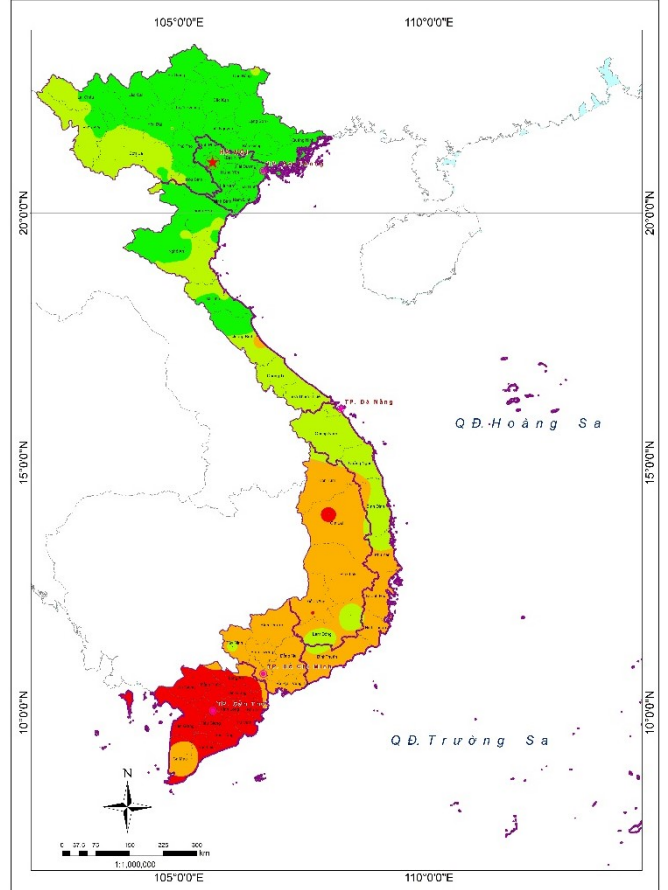
	Thời kỳ không gieo trồng
	Thời kỳ gieo trồng
	Thời kỳ sinh dưỡng
	Thời kỳ sinh thực
	Thời kỳ chín và thu hoạch
	Thời kỳ ra hoa, quả, thu hoạch

TL: Thuận lợi cho SXNN
ITL: Ít thuận lợi cho SXNN

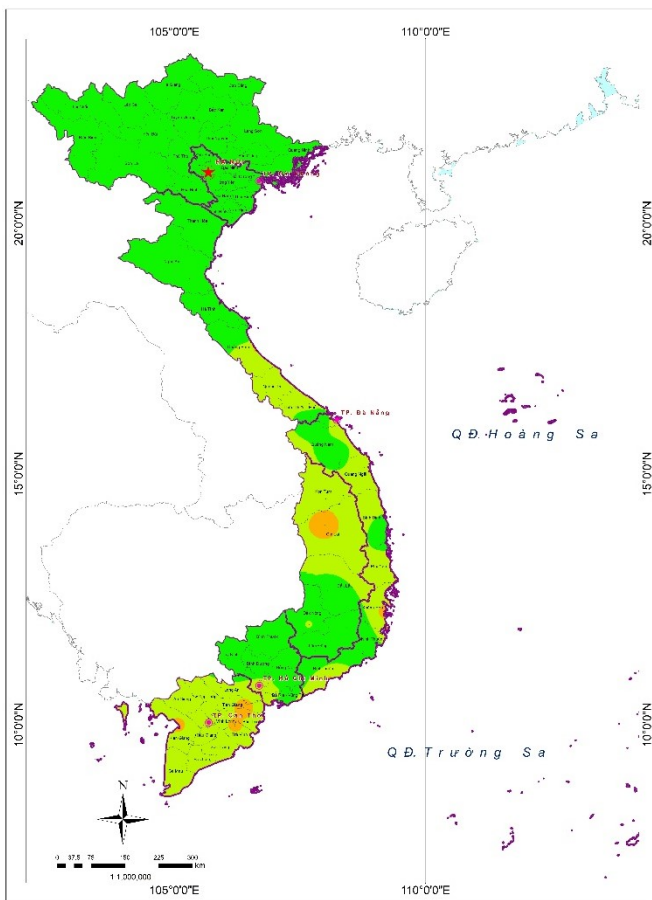
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025



Tháng 2/2025



Tháng 3/2025

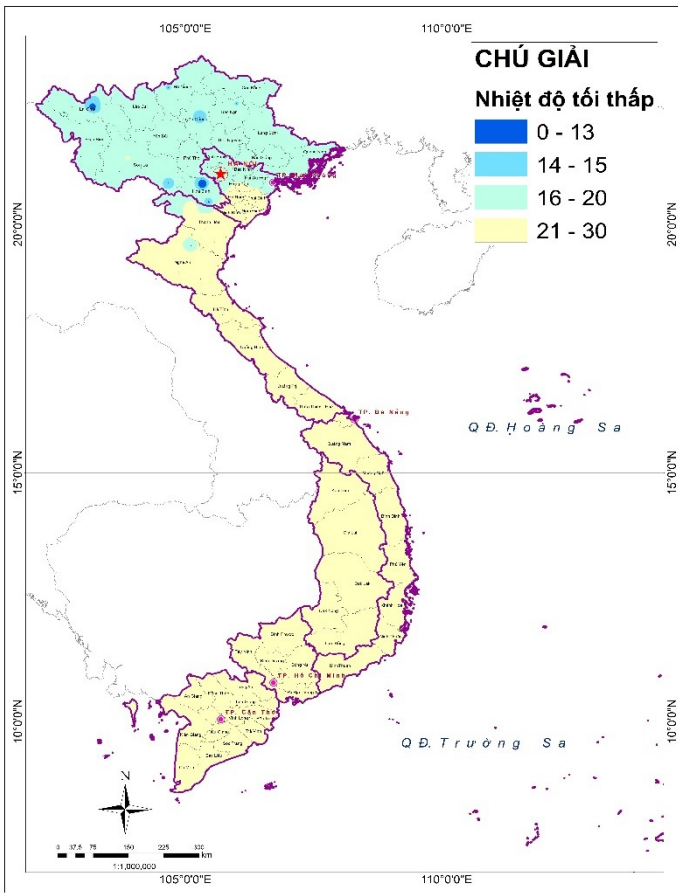


Tháng 4/2025

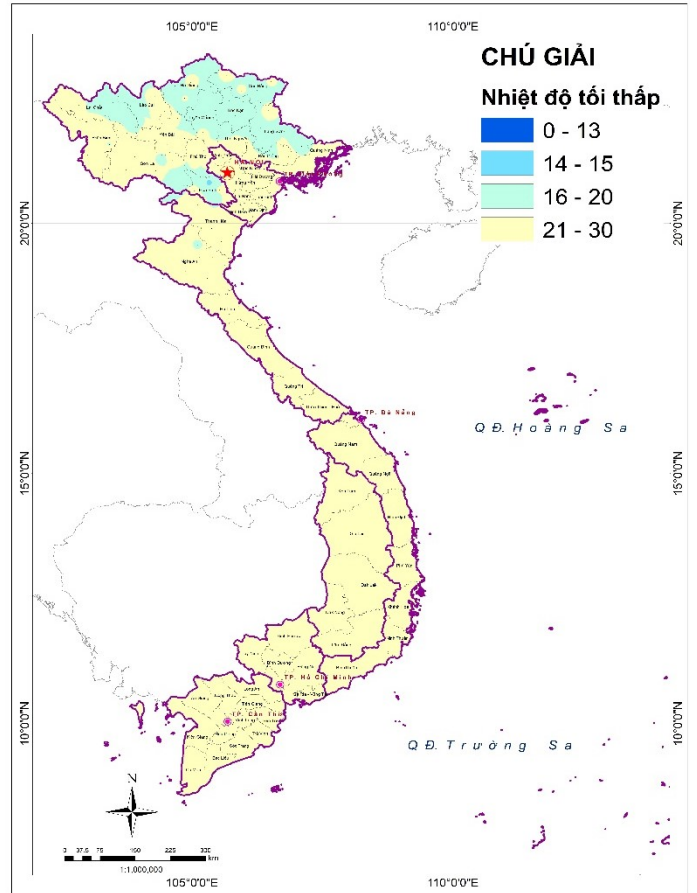
- Hạn nặng-nghiêm trọng
- Hạn nhẹ-vừa
- Bình thường
- Thừa ẩm

Hình 7. Dự báo nguy cơ khô hạn/thừa ẩm tháng 2-tháng 4/2025

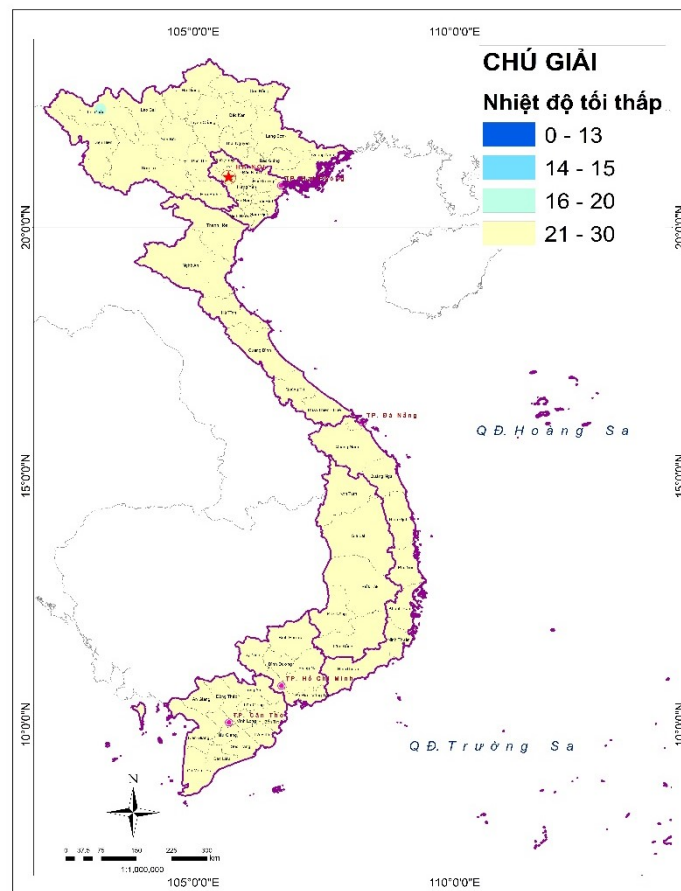
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025



Tháng 2/2025



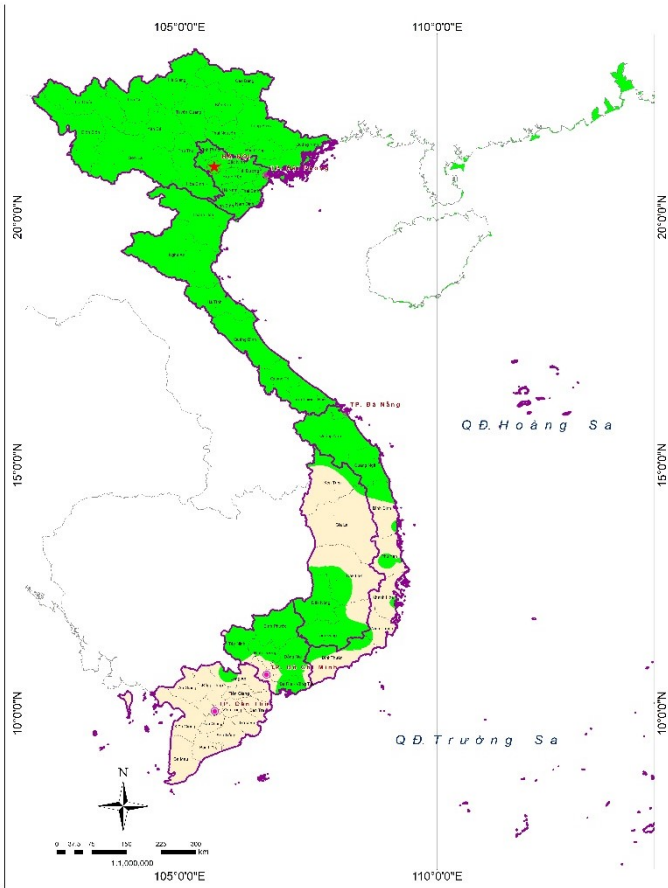
Tháng 3/2025



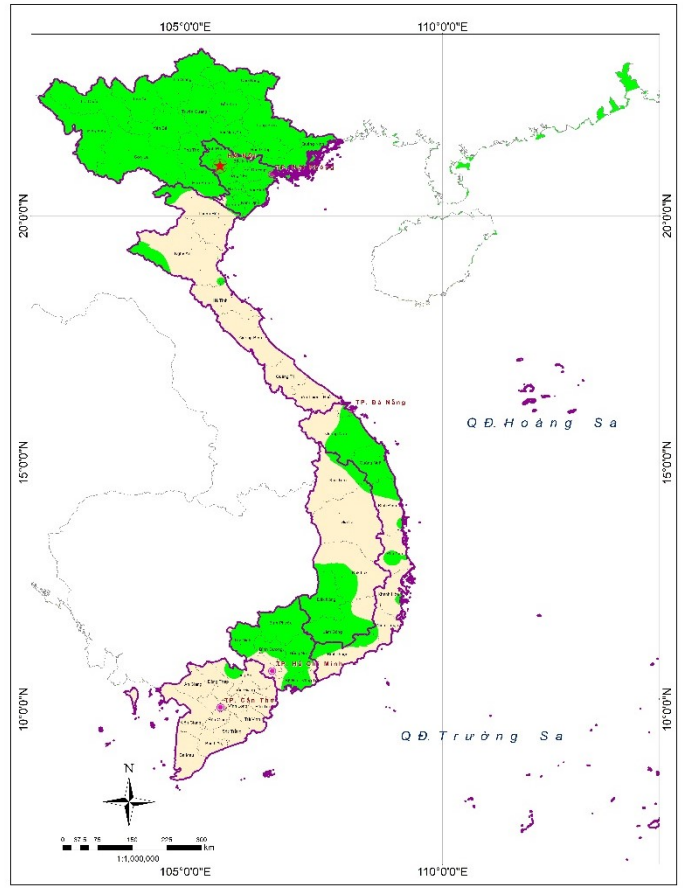
Tháng 4/2025

Hình 8. Dự báo nhiệt độ tối thấp tháng 2-tháng 4/2025

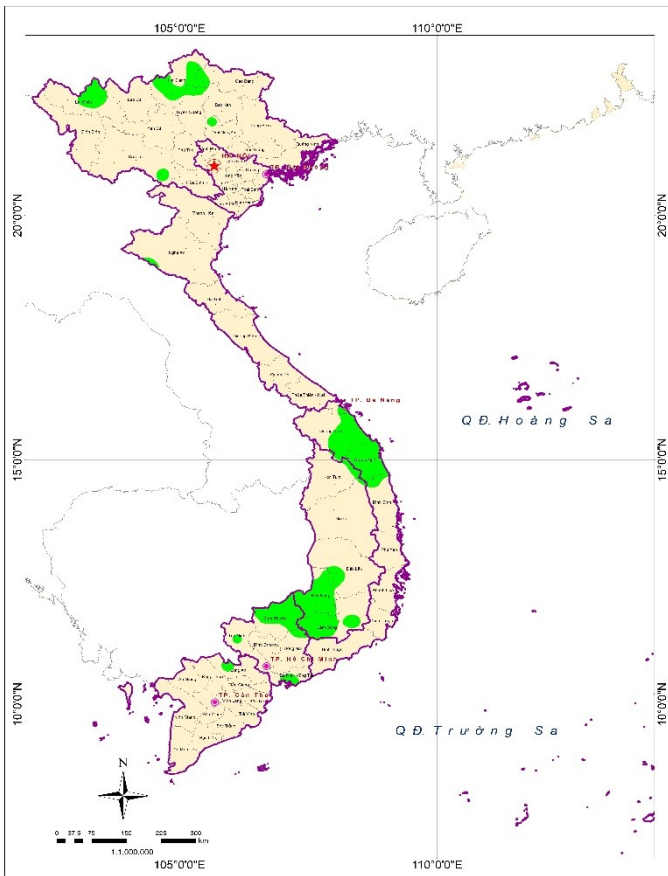
Thông báo và dự báo khí tượng nông nghiệp, số tháng 2/2025



Tháng 2/2025



Tháng 3/2025



Tháng 4/2025

	72	74	79	84
THI				
Mức độ ảnh hưởng	Bình thường	Báo động	Nguy hiểm	Khẩn cấp
Sức khỏe (nhịp tim/thờ)	< 90	90 - 110	110 - 130	>130
Năng suất/sản lượng	- Gia súc: giảm tỷ lệ thụ thai, dễ sinh non, giảm khả năng tiêu thụ thức ăn đối với gia súc - Gia cầm: giảm tỷ lệ tăng trọng đối với gia cầm		sản lượng sữa bò bị ảnh hưởng nghiêm trọng	sản lượng sữa bị tổn thất lớn

Hình 9. Dự báo nguy cơ tác động của nhiệt-ẩm đến sức khỏe và sản lượng của vật nuôi tháng 2-tháng 4/2025

Phần III: KHUYẾN NGHỊ ĐỐI VỚI SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THÁNG 2 ĐẾN THÁNG 4 NĂM 2025

Thời kỳ tháng 2-tháng 4/2025, khí hậu ở Việt Nam có những đặc điểm quan trọng ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp. Do vậy, cần đề phòng các rủi ro tác động của khí hậu đến sản xuất nông nghiệp:

3.1. Rủi ro tác động của khí hậu đến trồng trọt

- Các đợt không khí lạnh vào tháng 2 có thể gây hại cho cây trồng tại các tỉnh phía Bắc.
- Nguy cơ xảy ra khô hạn ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp tại các khu vực BTB, DHNTB, Tây Nguyên và Nam Bộ.
- Nguy cơ ngập có thể xảy ra vào tháng 3, tháng 4 ảnh hưởng tới sản xuất nông nghiệp tại các khu vực trũng thấp ở ĐBSH và ĐBSCL.

3.2. Rủi ro tác động của khí hậu đến chăn nuôi

- Điều kiện nhiệt - ẩm ảnh hưởng đến khả năng tiêu hóa thức ăn, hô hấp và nhịp tim của vật nuôi ở khu vực miền Trung và Nam Bộ.
- Rét đậm, rét hại xảy ra ảnh hưởng tới các địa phương vùng núi phía Bắc vào tháng 2.

3.3. Khuyến nghị

- Thường xuyên theo dõi các bản tin giám sát, cảnh báo và dự báo khí tượng thủy văn để có các giải pháp ứng phó kịp thời đối với thời tiết bất lợi và thiên tai.

Đối với trồng trọt:

- Tăng cường hệ thống tưới tiết kiệm nước, đặc biệt tại Tây Nguyên, BTB, DHNTB và Nam Bộ.
- Tích trữ nước mưa và khai thác hiệu quả nguồn nước ngầm.
- Xây dựng hệ thống thoát nước hiệu quả ở vùng trũng.
- Tiến hành kiểm tra đồng ruộng thường xuyên, áp dụng biện pháp phòng trừ dịch bệnh sớm.

Đối với chăn nuôi:

- Cần đảm bảo vệ sinh chuồng trại khô ráo, tránh để nền chuồng trại ẩm ướt, lầy lội (sử dụng rơm, cỏ, là chuối khô, bẹ ngô... khô) để lót nền chuồng, kiểm soát dịch bệnh do thời tiết giao mùa. Giữ gia súc sạch sẽ và không để gia súc bị ướt.
- Che chắn chuồng trại và sưởi ấm cho gia súc, gia cầm tại khu vực miền núi phía Bắc.
- Điều chỉnh khẩu phần ăn và tăng cường dinh dưỡng để tăng sức đề kháng cho vật nuôi.
- Đảm bảo gia súc, gia cầm luôn có sẵn đủ nước.



LIÊN HỆ:

Trung tâm Nghiên cứu Khí tượng nông nghiệp, Viện Khoa học Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu

Địa chỉ: Số 23/62 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội.

Địa chỉ email: ktnn407@gmail.com hoặc nguyenson.imh@gmail.com

Số điện thoại: 0914888185.

Phụ trách bản tin:

- ThS. Nguyễn Hồng Sơn, Trưởng phòng Giám sát và Dự báo Khí tượng nông nghiệp.

- TS. Nguyễn Đăng Mậu, Phó Giám đốc điều hành Trung tâm.
